TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 09-3-2026.
V/v: Kiện ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nụ.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Ánh Sửu.
2. Ông Trần Hữu Linh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký, Toà án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk: Ông Y Đum Kpă - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại phòng xử án - Toà án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025, về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh ngày 05/4/1987; Số CCCD: 066187007224, cấp ngày 10/9/2024; Địa chỉ: Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Thổ H, sinh ngày 14/3/1983; Số CCCD: 075083010185, cấp ngày 08/7/2021, Địa chỉ: Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Thổ H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh một số mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung, gồm: Thổ Hoàng H1 - sinh ngày 12/5/2010 và Thổ Phan An N - sinh ngày 20/5/2021.

Nay ly hôn bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng, tài sản, công nợ vợ chồng tự thỏa thuận, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Thổ H:* Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập hợp lệ ông H, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk áp dụng thủ tục niêm yết công khai đối với ông H theo đúng quy định pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T; cần cho bà T được ly hôn với ông H; giao 02 con chung Thổ Hoàng H1 - sinh ngày 12/5/2010 và Thổ Phan An N - sinh ngày 20/5/2021 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án "Kiện ly hôn", việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng

thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và Bị đơn đã đươc triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[**2] Về nội dung:** Bà Phan Thị T và ông Thổ H chung sống với nhau từ năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 07/01/2010. Quá trình sống chung với nhau chỉ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà T nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không hòa hợp nên không có hạnh phúc, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông H.

Xét thấy, hiện nay bà T và ông H không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung: Các đương sự có 02 con chung là Thổ Hoàng H1 - sinh ngày 12/5/2010 và Thổ Phan An N - sinh ngày 20/5/2021.

Hiện nay cả 02 con chung đang chung sống với bà T, bà T cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Vì vậy, cần giao con chung là Thổ Hoàng H1 - sinh ngày 12/5/2010 và Thổ Phan An N - sinh ngày 20/5/202120 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành.

[**4]. Về cấp dưỡng nuôi con:** Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[**5]. Về tài sản chung:** Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập, xem xét.

[6]. Về án phí: Bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Thổ H.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 cháu Thổ Hoàng H1 - sinh ngày 12/5/2010 và Thổ Phan An N - sinh ngày 20/5/2021 cho bà Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

Ông Thổ H có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập, xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Đắk Lắk theo biên lai số: 0004943, ngày 27/11/2025.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND khu vực 9 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 9 – Đắk Lắk;
- UBND xã Ea H'Leo (GCNKH số 66, quyển số 01, cấp ngày 07/01/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nụ